

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 ngày 05 tháng 03 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 09 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	66.703.010.000	19,91%
Cổ đông khác	268.290.650.000	80,09%
Cộng	334.993.660.000	100,00%

Vốn pháp định 6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên,
thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 043 827 1620

Fax : 043 827 1068

E-mail : ducgiangchemco@hn.vnn.vn

Mã số thuế : 0 1 0 1 4 5 2 5 8 8

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Chi nhánh Bình Dương Công ty Cổ phần Bột giặt
và Hóa chất Đức Giang

Địa chỉ

Khu công nghiệp Đồng An, xã
Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh
Bình Dương, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải bằng đường bộ;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: bán buôn phụ gia thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: cho thuê nhà xưởng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi tum; các loại sáp khoáng chất;

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh

Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; chi tiết: sản xuất các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi tum; các loại sáp khoáng chất;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: buôn bán máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất thiết bị điện khác, chi tiết: sản xuất máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất máy móc, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, chi tiết: sản xuất các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ, chi tiết: sản xuất các mặt hàng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang, chi tiết: sản xuất các mặt hàng sắt, thép;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý, chi tiết: sản xuất các mặt hàng kim loại màu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón; buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Bán buôn kim loại màu và quặng kim loại, chi tiết: buôn bán sắt, thép, kim loại màu;
- Sản xuất hóa chất cơ bản, chi tiết: sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: khai thác, thăm dò và chế biến khoáng sản; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Cụm Công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300299830 thay đổi lần đầu ngày 13 tháng 11 năm 2012	61,68%
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ	Lô CN5.3K, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Thành phố Hải Phòng.	Giấy chứng nhận đầu tư số 022031000132 ngày 26 tháng 7 năm 2013	60,00%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 đính kèm báo cáo này (từ trang 5 đến trang 44).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh

Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	27 tháng 03 năm 2010	
Ông Đào Việt Hưng	Thành viên	27 tháng 03 năm 2010	
Ông Lưu Bách Đạt	Thành viên	27 tháng 03 năm 2010	
Bà Phan Thị Nhung	Thành viên	27 tháng 03 năm 2010	
Ông Lại Cao Hiến	Thành viên	27 tháng 03 năm 2010	29 tháng 03 năm 2014
Ông Vũ Nhất Tâm	Thành viên	29 tháng 03 năm 2014	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Vũ Văn Ngo	Trưởng ban	27 tháng 03 năm 2010	
Vũ Minh Thuyết	Thành viên	27 tháng 03 năm 2010	
Nguyễn Tiến Khang	Thành viên	23 tháng 03 năm 2013	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Huyền	Tổng Giám đốc	09 tháng 5 năm 2007	
Ông Đào Việt Hưng	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 3 năm 2010	
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc	23 tháng 3 năm 2013	

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày, và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 trên cơ sở hoạt động liên tục; trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số 18, Ngõ 44 - Phố Đức Giang - Phường Thượng Thanh

Quận Long Biên - Thành phố Hà Nội

trường Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính .

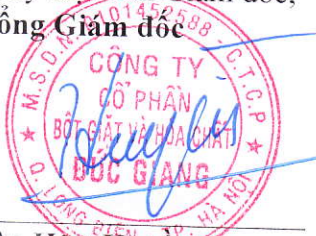
Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đào Hữu Huyền

Ngày 12 tháng 02 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Quý IV năm 2014
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		948.819.207.399	1.017.904.765.683
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.519.935.385	171.617.962.027
Tiền	111		8.519.935.385	18.599.184.249
Các khoản tương đương tiền	112		-	153.018.777.778
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Phải thu ngắn hạn	130		744.107.374.446	582.188.764.520
Phải thu khách hàng	131	V.2	89.381.579.841	149.041.853.297
Trả trước cho người bán	132	V.3	23.798.735.125	50.202.226.227
Các khoản phải thu khác	135	V.4	631.427.577.191	383.401.460.676
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(500.517.711)	(456.775.680)
Hàng tồn kho	140		158.628.268.582	224.936.884.708
Hàng tồn kho	141	V.6	158.628.268.582	224.936.884.708
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		37.563.628.986	39.161.154.428
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.144.429.410	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.459.587.262	37.970.537.109
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.8	760.568.850	607.864.869
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	199.043.464	582.752.450
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		730.663.061.254	394.566.852.748
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		583.530.659.904	282.798.772.954
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	467.373.669.420	131.151.670.573
Nguyên giá	222		710.144.874.885	320.197.559.010
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(242.771.205.465)	(189.045.888.437)
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	52.365.331.041	38.365.044.898
Nguyên giá	228		56.473.987.187	41.469.964.619
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.108.656.146)	(3.104.919.721)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	63.791.659.443	113.282.057.483
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		98.764.230.690	109.008.144.673
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	98.764.230.690	109.008.144.673
Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		48.368.170.660	2.759.935.121
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	48.336.420.660	2.729.312.024
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	(1.126.903)
Tài sản dài hạn khác	268	V.15	31.750.000	31.750.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.679.482.268.653	1.412.471.618.431

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Quý IV năm 2014
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		731.216.115.168	639.479.530.694
Nợ ngắn hạn	310		731.216.115.168	639.479.530.694
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	452.585.006.255	198.626.203.460
Phải trả người bán	312	V.17	118.638.649.283	122.589.502.571
Người mua trả tiền trước	313	V.18	48.540.584.983	34.976.530.763
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	33.778.153.657	41.594.111.847
Phải trả công nhân viên	315		16.694.459.351	17.967.258.687
Chi phí phải trả	316	V.20	2.423.113.458	10.968.439.170
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.21	11.974.106.937	168.143.010.057
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.22	46.582.041.244	44.614.474.140
Nợ dài hạn	330		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
NGUỒN VỐN	400		639.277.187.369	625.385.078.338
Nguồn vốn chủ sở hữu	410	V.23	639.277.187.369	625.385.078.338
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		334.993.660.000	334.993.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.072.000.000	1.072.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(2.630.000)	(3.431.887)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	3.356.330.600
Quỹ đầu tư phát triển	417		82.495.474.718	74.997.207.619
Quỹ Dự phòng tài chính	418		41.217.866.129	33.719.599.030
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		179.500.816.522	177.249.712.976
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.24	308.988.966.116	147.607.009.399
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.679.482.268.653	1.412.471.618.431



Đào Hữu Huyền
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 02 năm 2015

ma

Đào Thị Mai
Kế toán trưởng

KTR

Hoàng Thúy Hà
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2014

MÃ SỐ B 02-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.102.595.540.519	1.926.868.266.822
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	65.949.829.425	79.627.086.887
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.036.645.711.094	1.847.241.179.935
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.683.228.321.754	1.438.383.162.358
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.3	353.417.389.340	408.858.017.577
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	34.628.584.907	38.761.390.541
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.244.915.592	16.565.813.421
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	VI.4	9.709.778.100	4.950.282.658
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	82.586.471.448	84.398.094.681
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	28.314.049.957	23.956.812.846
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	VI.7	256.900.537.250	322.698.687.170
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10.003.519.161	15.285.244.461
12. Chi phí khác	32	VI.7	9.917.530.453	1.649.993.581
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	85.988.708	13.635.250.880
14. Lợi nhuận từ Công ty liên kết, liên doanh	50	VI.7	4.879.790.333	80.103.798
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	261.866.316.291	336.414.041.848
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	37.685.400.657	39.100.769.054
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	VI.9	-	1.126.903
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	224.180.915.634	297.312.145.891
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			151.126.365.554	188.998.957.601
Lợi ích cổ đông thiểu số			73.054.550.080	108.313.188.290
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			4.511	6.811

Handwritten signature

Hoàng Thủy Hà
Người lập biểu

Handwritten signature

Đào Thị Mai
Kế toán trưởng



Đào Hữu Huyền
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Quý IV năm 2014

MẪU SỐ B 03-DNHN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		262.264.712.454	260.019.659.239
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		55.545.786.233	34.422.928.925
- Các khoản dự phòng	03		43.742.031	61.200.569
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		8.632.732.607	6.785.149.295
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.586.109.889)	(21.211.920.119)
- Chi phí lãi vay	06		9.709.778.100	3.416.599.727
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		310.610.641.536	283.493.617.627
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		212.144.798.258	(275.539.921.024)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		66.308.616.126	(18.567.812.371)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		(391.640.997.257)	(85.697.567.742)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(13.689.833.386)	(2.954.103.805)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7.471.803.202)	(3.841.950.226)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.198.453.409)	(28.108.448.562)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(15.877.352.368)	(14.149.527.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		155.185.616.298	(145.365.714.007)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(333.346.403.752)	(67.020.160.799)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		294.154.545	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(12.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	13.354.085.603
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.661.187.744	21.211.920.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(330.391.061.463)	(44.454.155.077)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.532.261.845.655	528.667.570.969
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.295.489.976.860)	(413.460.386.930)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(224.664.450.272)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.107.418.523	115.207.184.039
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(163.098.026.642)	(74.612.685.045)
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		171.617.962.027	400.131.931.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		8.519.935.385	325.519.246.097
(70 = 50 + 60 + 61)				

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
 ĐÀO HỮU HUYỀN
 Tổng Giám đốc

huat
 Đào Thị Mai
 Kế toán trưởng

KTH
 Hoàng Thúy Hà
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang (công ty mẹ) và Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Cho thuê nhà xưởng;
 - Sản xuất và buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chung cất từ chúng;
 - Sản xuất và buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Tổng số các công ty con : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: -

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai	Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	61,68 %	61,68 %
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	Lô CN5.3K, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Thành phố Hải Phòng.	48,51 %	60,00 %

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân Bón Lào Cai	Khu công nghiệp Tăng Loong, Huyện Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai	37,97 %	46,62 %

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

I. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 719 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 528 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 bao gồm Báo cáo tài chính quý 4 của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Số chi: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Chiếm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	2 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Tài sản cố định khác	3

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (đến năm 2061).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Công ty con bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí trong vòng 24 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê là 20 năm qui định trên hợp đồng thuê đất.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước ngày kết thúc năm tài chính cho 1 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

17. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẤT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn là các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

I. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	700.927.648	1.158.750.995
Tiền gửi ngân hàng	7.819.007.737	17.440.433.254
Các khoản tương đương tiền	-	153.018.777.778
Cộng	8.519.935.385	171.617.962.027
2. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH FrieslandCampina Hà Nam	1.908.406.500	1.966.497.500
JAYDIP AGENCIES	725.030.627	-
SANDEEP ORGANICS	3.153.144.355	-
KETUL CHEM PVT. LTD	1.059.376.550	-
SANJAY CHEMICALS	1.589.064.826	-
RNANDLAL AND SONS	1.042.386.549	-
Texpo	1.039.388.314	-
SUN SHINE INTERNATIONNAL PVT LTD	4.961.580.080	-
UNITED PHOSPHORUS LTD	-	25.198.138.200
MITSUBISHI COPRATION	19.391.088.226	-
SARAF CHEMICALS	-	999.428.774
EXCEL INDUSTRIES LIMITED	24.801.730.560	35.807.880.600
BONGSAN CO.,LTD	-	2.923.753.440
PRASOL CHEMICALS LIMITED	-	5.426.356.800
Filo Chemical	-	4.862.629.870
ICL Performance Prod LP	-	19.537.605.251
MITSUBISHI COPRATION	-	12.206.771.850
JAYDIP AGENCIES	-	2.510.941.104
OCI COMPANY LTD	6.164.930.574	9.465.035.898
LANXESS DEUTSCHLAND GMBH	3.045.082.950	-
SANDHYA DYES AND CHEMICALS	2.525.044.608	2.709.128.880
SANDHYA INDUSTRIAL CHEMICALS	-	12.559.586.279
SANDHYA ORGANIC CHEMICALS PVT LTD	-	5.523.545.280
Công ty CP xuất nhập khẩu Hà Anh	840.000.000	-
Công ty cổ phần phân lân nung chảy văn điển	1.837.500.000	-
Công ty cổ phần DD Hồng Hà	881.993.438	-
EXCEL CROP CARE LIMITED	-	5.321.069.280
Đối tượng khác	14.415.831.684	2.023.484.291
Cộng	89.381.579.841	149.041.853.297

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP SX XK Dầu điều Cát Lợi	-	1.336.500.000
Liên đoàn địa chất Tây Bắc	-	149.000.000
Công ty TNHH Đại Long	108.000.000	108.000.000
Liên đoàn địa chất Xạ Hiếm	500.000.000	-
Ban quản lý dự án GPMB&TĐC Tầng Loong	3.340.396.295	2.985.108.500
Công ty TNHH giải pháp tự động hóa VN	3.353.731.920	-
Công ty TNHH vật tư thiết bị Tuấn Long	676.366.020	9.529.882.718
Sinopec Nanjing Engineering & Construction Inc	-	10.707.450.000
Công ty cổ phần xây lắp 1 - Petrolimex	-	2.431.000.000
Công ty TNHH Công Nghiệp CNI	-	4.630.766.421
Công ty TNHH Sản xuất Hà Thanh	2.539.026.560	9.593.332.723
Công ty cổ phần lắp máy – TN cơ điện	181.229.400	-
NanNing Dejiang Trading Co., Ltd	8.353.034.004	-
Công ty TNHH TM và KT Minh Dương	923.137.074	-
Công ty TNHH Công nghiệp Trùng Giang Sâm Uyên	515.446.625	515.995.533
Công ty CP tự động hóa đông Dương	198.000.000	-
Công ty TNHH SX & XNK Bao Bì	-	5.130.400.000
Công ty TNHH tập đoàn Tân Hồng Đại Dương Thị Lan	875.121.361	532.338.000
Công ty CP Tư vấn Kiến trúc và Nội thất Việt Nam	466.871.602	323.990.159
Nguyễn Văn Tuấn	-	140.078.200
Đối tượng khác	1.768.374.264	1.938.383.973
Cộng	<u>23.798.735.125</u>	<u>50.202.226.227</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Hóa chất phân bón Lào Cai	-	251.002.344
Công ty CP Hóa chất phân bón Lào Cai	81.186.590.000	81.186.590.000
Công ty CP Hóa chất phân bón Lào Cai ⁽ⁱ⁾	548.737.797.808	281.624.926.988
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ	-	6.003.746.925
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ ⁽ⁱⁱ⁾	-	11.017.165.632
Ban Quản Lý các Khu CN tỉnh Lào Cai	750.000.000	750.000.000
Đối tượng khác	753.189.383	2.568.028.787
Cộng	<u>631.427.577.191</u>	<u>383.401.460.676</u>

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản cho Công ty CP Hóa chất Phân bón Lào Cai vay để phục vụ đầu tư sản xuất kinh doanh với lãi suất 5%/năm.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	10.320.965	83.552.665
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu	340.537.791	223.564.060

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu	149.658.955	149.658.955
quá hạn từ 3 năm trở lên		
Cộng	<u>500.517.711</u>	<u>456.775.680</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	(456.775.680)
Trích lập dự phòng bổ sung	(43.742.031)
Số cuối kỳ	<u>(500.517.711)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	107.704.043.213	158.725.197.509
Công cụ, dụng cụ, vật tư XD CB	206.810.045	37.447.062.534
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.548.055.769	1.638.366.612
Thành phẩm	37.169.359.555	27.126.258.053
Cộng	<u>158.628.268.582</u>	<u>224.936.884.708</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là khoản thuế xuất khẩu nộp thừa

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	189.043.464	572.752.450
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	<u>199.043.464</u>	<u>582.752.450</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	69.855.307.449	225.609.749.963	24.074.560.056	657.941.542	320.197.558.990
Tăng trong kỳ	309.997.020.640	77.644.922.739	2.955.348.540	227.272.727	390.824.564.646
Mua sắm mới	-	4.994.234.786	2.955.348.540	227.272.727	8.176.850.253
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	309.997.020.640	72.650.687.953	-	-	382.647.708.593
Giảm trong kỳ do thanh lý	-	(370.480.850)	(506.767.922)	-	(877.248.772)
Số cuối kỳ	379.852.328.089	302.884.191.852	26.523.140.674	885.214.269	710.344.874.884
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.516.561.310	35.610.924.429	868.775.922	62.048.542	46.058.310.203
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	37.838.658.037	140.002.623.439	10.828.184.475	376.422.486	189.045.888.437
Khấu hao trong kỳ	12.625.524.080	37.682.168.860	4.043.981.423	190.375.445	54.542.149.808
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(309.964.858)	(506.767.922)	-	(816.737.640)
Phân loại lại	(14.771.822)	105.364.835	(10.571.819)	(80.021.194)	(10.003.971)
Số cuối kỳ	50.449.410.295	177.480.192.276	14.354.826.157	486.776.737	242.771.205.465
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	32.016.649.412	85.607.126.524	13.246.375.581	281.519.056	131.151.670.573
Số cuối kỳ	329.402.917.794	125.403.999.576	12.168.314.517	398.437.532	467.373.669.419

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	41.469.964.619
Tăng trong kỳ	17.460.206.755
Giảm trong kỳ	(2.456.184.187)
Số cuối kỳ	56.473.987.187
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	3.104.919.721
Khấu hao trong kỳ	1.003.736.425
Số cuối kỳ	4.108.656.146
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	38.365.044.898
Số cuối kỳ	52.365.331.041

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Chi phí phát sinh		Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối kỳ
	Số đầu năm	trong năm		
XDCB dở dang	113.282.057.483	248.010.005.692	297.500.403.732	63.791.659.443
Kho ủ TSP	-	4.546.399.065	-	4.546.399.065
Kho ủ	12.910.908.186	4.815.033.452	17.725.941.638	-
Kho đá phốt phát	8.865.539.193	363.331.750	9.228.870.943	-
Kho phân bón	1.315.803.282	3.771.424.255	5.087.227.537	-
Nhà phản ứng và máy lọc	4.898.353.932	9.135.203.313	14.033.557.245	-
Nhà đóng gói và SP khô	1.403.640.121	4.917.326.453	6.320.966.574	-
Nhà đóng bao TSP	3.443.915.520	1.767.648.895	5.211.564.415	-
Khu nghiền sấy quặng	6.173.182.673	6.029.615.228	12.202.797.901	-
Nhà tạo hạt	18.395.154.825	9.810.443.434	28.205.598.259	-
Kho chứa quặng	342.109.814	4.624.517.085	4.966.626.899	-
Đường nội bộ	1.083.189.286	6.459.924.246	7.543.113.532	-
Khu D	2.544.116.523	8.238.437.821	10.782.554.344	-
San gạt mặt bằng	10.982.926.340	2.534.304.546	13.517.230.886	-
XDCB khu B	3.093.182.467	-	3.093.182.467	-
Trạm chứa bao bì	349.261.164	-	349.261.164	-
Nhà phản ứng DCP	8.302.537.026	25.499.228.476	33.801.765.502	-
Tháp vận chuyển	446.330.435	5.344.545	451.674.980	-
Nhà máy TSP&DCP	9.726.398.318	44.128.411.978	53.854.810.296	-
Sấy và đóng bao DCP	8.330.780.571	6.141.528.183	14.472.308.754	-
Cầu vượt	241.725.914	392.887.114	634.613.028	-
Nhà ăn khu A	1.512.132.755	14.333.000	1.526.465.755	-
Trụ đường ống Khu B	5.452.831.471	31.062.719.586	36.515.551.057	-
Nhà vệ sinh công nhân	333.503.468	368.414.132	701.917.600	-
Nhà công nhân B	218.046.624	75.839.204	293.885.828	-
Phản ứng MAP	663.370.028	26.859.758.229	-	27.523.128.257
Điều khiển điện MAP	484.932.452	4.551.863.421	-	5.036.795.873
Đóng bao MAP	658.051.054	8.755.717.790	-	9.413.768.844
Lò Silicat	989.701.889	3.636.724.959	4.626.426.848	-
Trạm điện DCP	120.432.152	3.333.085.969	3.453.518.121	-
Hệ Pilot	-	2.018.969.823	2.018.969.823	-
Bồn chứa NH ₃	-	15.587.049.182	-	15.587.049.182
Lò nung vôi	-	1.272.270.671	1.272.270.671	-
Khu văn phòng, nhà khách	-	250.061.218	250.061.218	-
Khu tập thể nhà chung cư	-	1.157.541.732	-	1.157.541.732
Khoan khảo sát địa chất	-	1.298.642.455	1.298.642.455	-
Cống khu A	-	1.196.890.115	1.196.890.115	-
Dự án mở	-	526.976.490	-	526.976.490
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	2.862.137.877	2.862.137.877	-
Cộng	113.282.057.483	248.010.005.692	297.500.403.732	63.791.659.443

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai ⁽ⁱ⁾	9.323.930	98.764.230.690	9.323.930	97.008.144.673
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	1.200.000	12.000.000.000
Cộng		98.764.230.690		109.008.144.673

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5300582654 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai 48.070.000.000 VND, tương đương 24,04 % vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai 45.169.930.000 VND, tương đương 22,58% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022031000132 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 26 tháng 7 năm 2013, Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ 6.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ 6.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Theo đó, tỷ lệ kiểm soát của Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang là 60% và Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ là Công ty con.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai	Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Đình Vũ	Cộng
Giá gốc	93.239.930.000	12.000.000.000	105.239.930.000
Lãi/lỗ trong Công ty liên kết	5.524.300.690		5.524.300.690
Phân loại lại		(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Số cuối kỳ	98.764.230.690	-	98.764.230.690

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	343.731.791	31.397.525.250	68.735.999	31.672.521.042
Công cụ dụng cụ	308.019.692	-	308.019.692	-
Chi phí sửa chữa máy	2.061.837.376	-	1.580.864.926	480.972.450
Chi phí vách nhà ăn	15.723.165	-	15.723.165	-
Chi phí trước hoạt động	-	16.161.238.321	498.061.153	15.663.177.168
Chi phí làm đầu nối điện nước	-	519.750.000	-	519.750.000
Cộng	2.729.312.024	48.078.513.571	2.471.404.935	48.336.420.660

15. Tài sản dài hạn khác

Là khoản đặt cọc bình ô xy

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	334.585.006.255	198.626.203.460
<i>Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam⁽¹⁾</i>	<i>104.688.320.049</i>	<i>33.093.652.174</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank⁽²⁾</i>	<i>80.474.246.952</i>	<i>115.814.704.806</i>
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - CN HN⁽³⁾</i>	<i>41.354.453.648</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - MBBank⁽⁴⁾</i>	<i>97.986.087.176</i>	<i>38.819.009.720</i>
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB⁽⁵⁾</i>	<i>10.081.898.430</i>	<i>10.898.836.760</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	118.000.000.000	-
Cộng	<u>452.585.006.255</u>	<u>198.626.203.460</u>

- (1) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam theo Thư đề nghị cung cấp hạn tiện ích ngày 2/7/2013 ANZ gửi Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang và Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai. Hạn mức tiện ích áp dụng cho Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai là 5.000.000 USD, Mục đích nhằm hỗ trợ cho nhu cầu mua quặng apatit, than cốc, silica, thùng đựng photpho vàng và thanh toán tiền điện, hỗ trợ cho nhu cầu nhập khẩu và mua trong nước nguyên vật liệu. Kỳ hạn từng khoản vay tối đa 3 tháng, lãi suất 1,8%/năm cộng với chi phí vốn vay của ANZ. Thế chấp bằng các khoản phải thu của đơn vị với giá trị sổ sách tối thiểu tương đương 5.000.000 USD và hàng Tồn kho trong kho hàng của Công ty với tổng giá trị sổ sách tối thiểu tương đương 5.000.000 USD
- (2) Hợp đồng cấp tín dụng số 140044/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 20/2/2014. Hạn mức tối đa 150.000.000.000. Mục đích bổ sung vốn lưu động và tài trợ thương mại cho đơn vị. Lãi suất thay đổi theo thời điểm nhận nợ. Đảm bảo bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy hóa chất Đức Giang Lào Cai.
- (3) Khoản vay theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) gửi Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang và Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai ngày 24/4/2014. Hạn mức 2.000.000 USD hoặc tương đương bằng VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai với giá trị ít nhất 2.000.000 USD, tất cả các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai với giá trị ít nhất 2.000.000 USD.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 196.14.737.1504066.TD ngày 11/2/2014, hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động, mở LC và phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động SXKD phot pho vàng, lãi suất quy định tại khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của đơn vị.
- (5) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HCA.DN.01270412 ngày 28/4/2012. Hạn mức tín dụng 215.000.000.000 VND hoặc USD tương đương. Trong đó hạn mức vay không vượt quá 43.000.000.000 VND hoặc USD tương đương. Mục đích nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất, kỳ hạn tối đa không quá 3 tháng. Lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Số tiền vay được đảm bảo bằng Bất động sản tại Số 18 Ngõ 44 Phố Đức Giang P.Thượng Thanh, Quận Long Biên Hà Nội thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang và Nhà xưởng và máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất phot pho vàng dây chuyền số 2 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng do đánh giá lại CLTG cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	198.626.203.460	1.347.516.984.464	2.838.769.362	(1.214.577.227.229)	334.585.086.299
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	198.800.000.000	-	(80.800.000.000)	118.000.000.000
Cộng	198.626.203.460	1.546.316.984.464	2.838.769.362	(1.295.377.227.229)	452.585.086.299

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
PT MANH INDONESIA	497.340.255	1.251.642.000
GIVAUDAN SINGAPORE PTE LTD	730.443.527	-
Công ty Cổ Phần TATICO Việt Nam	1.436.445.000	737.390.500
Công ty CP Vận tải Xuyên Đại Dương	20.000.000	265.164.865
Công ty Điện lực Gia Lâm	353.689.504	263.318.880
GUANGZHOU MEIYI PLAVOURS & FRAGRANCES CO.,LTD	323.579.220	312.384.600
CN DNTN Sản xuất Hoàng Nguyên	311.592.145	233.807.274
Công ty Thương mại và Bao bì Sài Gòn, TNHH	937.510.273	166.232.680
Công ty TNHH Văn Minh	693.667.395	1.238.223.700
Công ty TNHH DTXD Lilama	11.005.567.944	-
Công ty hữu hạn TM Thuận Cảnh Hà Khẩu	773.954.046	-
Công ty CP Xây Lắp 1 – Petrolimex	2.586.379.450	-
Công ty TNHH Chế tạo Máy móc hạng nặng Khúc Tĩnh	2.246.729.892	1.105.304.250
Công ty TM XNK Vĩnh Hoà - TP Bằng Tường	6.844.171.608	11.540.554.486
Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	17.013.887.229	54.893.546.488
Công ty TNHH Thương mại Đức Giang Nam Ninh DA	13.321.764.070	1.636.164.599
Công ty TNHH Vận tải Thương mại PNT	2.599.981.584	1.200.761.123
Công ty Điện lực Lào Cai	17.639.625.940	8.554.699.840
K S INTERNATIONAL	-	533.832.182
Trâm - HEKOU YUYANG TRADE COMPANY (Vũ Dương)	19.191.422.380	16.286.001.973
Đối tượng khác	20.110.897.821	22.370.473.109
Cộng	118.638.649.283	122.589.502.571

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
SAMBATH DARA	-	227.951.887
Công ty CP lương thực VTNN Nghệ An	1.348.930.000	-
Công ty CP Thương Mại Tuấn Cường	-	893.338.967
Công ty TNHH TM và Truyền Thông Hà Việt	-	477.500.000
DARAROITH IMPORT EXPORT	-	354.564.200
Công ty CP Minh Anh HN	789.106.598	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phùng Văn Đắc	723.041.134	-
IME INC	2.082.800	2.082.800
UMESH TECHNO	174.913.669	-
Công ty TNHH XNK Bình Nguyên Xanh	53.774.048	-
K S INTERNATIONAL	-	3.161.641.640
MITSUBISHI COPRATION	43.099.384.320	28.622.929.920
Đối tượng khác	2.349.352.414	1.236.521.349
Cộng	48.540.584.983	34.976.530.763

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong kỳ	Bù trừ thuế GTGT được hoàn	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	277.082.061	-	277.082.061	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	47.911.453.454	47.911.453.454	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(607.864.869)	68.882.088.024	69.034.792.005	-	(760.568.850)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.061.045.595	37.730.024.017	5.198.453.409	34.959.475.458	33.633.140.745
Thuế thu nhập cá nhân	5.255.733.191	10.913.497.711	5.949.891.342	10.074.326.648	145.012.902
Tiền thuê đất	-	1.566.659.388	1.566.659.388	-	-
Các loại thuế khác	251.000	10.000.000	10.251.000	-	-
Cộng	40.986.246.978	167.013.722.594	129.948.582.659	45.033.802.106	33.017.584.807

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	33.778.153.657	41.594.111.847
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(760.568.850)	(607.864.869)
Cộng	33.017.584.807	40.986.246.978

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.7).

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0%
Supe lân	5%
Hàng hóa khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT VÀ HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Địa chỉ: Số 18, ngõ 44, phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 54.312m² và 1.739,8m² đất đang sử dụng với mức thuê lần lượt là 1.447.811.000VND/năm và 17.618.000VND/năm theo quy định tại thông báo số 817/TB-CCT-LPTB&TK ngày 14 tháng 11 năm 2012.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê kho	-	(4.000.000)
Chi phí lãi vay phải trả	2.359.715.068	121.740.170
Thưởng doanh số quý 2	63.398.390	-
Chi phí tiền điện	-	10.850.699.000
Cộng	<u>2.423.113.458</u>	<u>10.968.439.170</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền cổ tức	357.263.104	166.416.162.932
Kinh phí công đoàn	1.261.246.809	1.426.575.688
BHXH, BHYT, BHTN	393.275.510	-
Chi phí cổ phần hóa	63.754.562	63.754.562
Tiền nhận đặt cọc xe	183.000.000	103.000.000
Kinh phí đảng - Chi bộ Đức Giang	-	8.337.597
Công ty Cổ phần Hóa chất và Phân bón Lào	8.056.000.000	-
Cai	1.659.566.952	125.179.278
Phải trả khác	-	-
Cộng	<u>11.974.106.937</u>	<u>168.143.010.057</u>

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	25.373.986.863	4.498.960.260	(1.314.910.000)	28.558.037.123
Quỹ phúc lợi	19.240.487.276	4.498.960.259	(5.715.443.414)	18.024.004.121
Cộng	<u>44.614.474.139</u>	<u>8.997.920.519</u>	<u>(7.030.353.414)</u>	<u>46.582.041.244</u>

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	334.993.660.000	1.072.000.000	(3.431.887)	3.356.330.600	74.997.207.619	33.719.599.030	177.249.712.976	625.385.078.338
Hoàn nhập CLTG năm trước	-	-	-	(3.356.330.600)	-	-	(95.658.036)	(3.451.988.636)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	151.126.365.554	151.126.365.554
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	7.498.267.099	7.498.267.099	(23.994.454.717)	(8.997.920.519)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(125.970.887.259)	(125.970.887.259)
Tặng/giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	801.887	-	-	-	1.185.738.004	1.186.539.891
Số dư cuối kỳ này	334.993.660.000	1.072.000.000	(2.630.000)	-	82.495.474.718	41.217.866.129	179.500.816.522	639.277.187.369

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn Nhà nước	66.703.010.000	66.703.010.000
Các cổ đông khác	268.290.650.000	268.290.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.072.000.000	1.072.000.000
Cổ phiếu quỹ	(2.630.000)	(2.630.000)
Cộng	<u>336.063.030.000</u>	<u>336.063.030.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.499.366	33.499.366
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.499.366	33.499.366
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(263)	(263)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.499.103	33.499.103
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	147.607.009.399
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	73.054.550.080
Tặng do góp vốn trong năm	81.995.960.000
Tặng do hợp nhất Công ty con mới	7.576.960.775
Giảm khác	(1.245.514.138)
Số cuối kỳ	<u>308.988.966.116</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV.

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.102.595.540.519	1.926.868.266.822
- Doanh thu bán thành phẩm	1.907.466.821.709	1.898.943.782.945
- Doanh thu bán quặng bột	36.133.283.422	22.499.164.970
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.980.507.691	-
- Doanh thu khác	151.014.927.697	5.425.318.907
Các khoản giảm trừ doanh thu:	65.949.829.425	79.627.086.887
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Hàng bán bị trả lại	3.333.900	164.164.912
- Thuế xuất khẩu	65.946.495.525	79.462.921.975
Doanh thu thuần	2.036.645.711.094	1.847.241.179.935

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán thành phẩm	1.495.307.335.218	1.420.340.251.119
Giá vốn bán quặng bột	33.474.622.755	22.502.619.043
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.477.906.349	(4.459.707.804)
Giá vốn khác	141.968.457.432	-
Cộng	1.683.228.321.754	1.438.383.162.358

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.434.798.471	30.009.390.635
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	55.071.874	37.725.836
Lãi tiền cho vay	23.505.981.955	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.632.732.607	8.714.274.070
Cộng	34.628.584.907	38.761.390.541

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.709.778.100	4.950.282.658
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.535.137.492	4.523.960.336
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	361.269.379
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	6.730.301.048
Cộng	20.244.915.592	16.565.813.421

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.555.514.985	7.276.228.754
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	952.383.011	588.352.879
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	87.905.434
Chi phí khấu hao TSCĐ	581.465.779	1.285.712.729
Chi phí ngân hàng	500.708.305	1.723.783.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.767.972.762	60.231.498.875
Chi phí bằng tiền khác	10.228.426.606	13.204.612.668
Cộng	82.586.471.448	84.398.094.680

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	17.086.640.548	12.801.704.835
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	99.573.243	279.247.287
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.916.000	61.461.789
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.455.519.890	2.737.276.683
Thuế, phí và lệ phí	1.577.149.388	1.530.553.390
Chi phí ngân hàng	43.742.031	237.499.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.804.500.748	3.446.045.649
Chi phí bằng tiền khác	2.225.008.109	2.863.024.164
Cộng	28.314.049.957	23.956.812.846

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ phạt hợp đồng	-	15.248.531.865
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	294.154.545	-
Hoàn nhập quỹ DP trợ cấp MVL	-	29.866.100
Thu nhập khác	9.709.364.616	6.846.496
Cộng	10.003.519.161	15.285.244.461

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự án Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ	-	910.405.000
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	60.515.992	218.347.391
Các khoản nộp phạt	115.000.000	197.675.295
Kinh phí hỗ trợ thiệt hại hoa màu theo CV số 659/UBND-GPMB	-	288.700.000
Chi phí khác	9.742.014.461	34.865.895
Cộng	9.917.530.453	1.649.993.581

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	151.126.365.554	188.998.957.600
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	151.126.365.554	188.998.957.600
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	33.499.103	27.749.520
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.511	6.800

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	33.499.015
Cổ phiếu phát hành mới trong kỳ	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	33.499.015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Công ty Cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai

Công ty TNHH Văn Minh

Mối quan hệ

Cổ đông sáng lập

Công ty liên kết

Giám đốc Công ty TNHH Văn

Minh là vợ của Chủ tịch HĐQT

kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ

phần Bột giặt và Hóa chất Đức

Giang

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Kỳ này

Công ty CP Hóa chất Phân bón Lào Cai (LFC)

Phải trả tiền mua hàng

62.777.134.243

Thuế GTGT đầu vào

6.524.377.167

Phải thu tiền mua hộ vật tư

-

LFC thu hộ tiền bán hàng

-

Phải thu tiền bảo hiểm nộp hộ

133.068.000

Phải trả tiền bảo hiểm LFC nộp hộ

138.683.675

Bán hàng và cung cấp dịch vụ

111.684.185.639

Thuế GTGT đầu ra

11.787.064.140

LFC vay

-

Lãi vay phải thu

4.832.020.475

LFC trả tiền hàng

169.840.497.345

Trả LFC tiền hàng

5.759.250.885

Công ty TNHH Văn Minh

Bán hàng và cung cấp dịch vụ

14.217.709.852

Thuế GTGT đầu ra

1.400.177.742

Thu tiền hàng

1.990.952.925

Giá trị hàng mua vào

12.640.174.594

Thuế GTGT hàng mua vào

1.240.694.466

Phải thu tiền ăn ca chi hộ

7.308.000

Thu tiền ăn ca chi hộ

6.615.000

Trả tiền hàng

624.941.313

Văn Minh trả tiền

771.616.338

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau, do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Lĩnh vực sản xuất bao gồm: sản xuất bột giặt, hóa chất ...
- Lĩnh vực 2: Lĩnh vực cung cấp dịch vụ bao gồm: cung cấp dịch vụ vận chuyển, cho thuê kho
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực thương mại bao gồm: bán phốt pho, bán fero ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.841.493.182.784	7.980.507.691	187.172.020.619	2.036.645.700.094
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.841.493.182.784	7.980.507.691	187.172.020.619	2.036.645.700.094
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	346.185.847.566	(4.497.398.658)	11.728.940.432	353.417.589.340
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(110.900.520.000)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				242.516.869.340
Doanh thu hoạt động tài chính				34.628.394.000
Chi phí tài chính				(20.244.805.000)
Thu nhập khác				10.005.500.000
Chi phí khác				(9.917.500.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(37.685.400.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				4.879.700.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				224.180.964.340

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.447.575.912.191	15.702.518.446	-	1.463.278.430.637
Tài sản phân bổ cho bộ phận	10.195.736.270	-	589.503.709	10.785.242.979
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				205.418.500.000
Tổng tài sản				1.679.482.203.616
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	273.417.353.873	-	-	273.417.353.873
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo BP				457.798.700.000
Tổng nợ phải trả				731.216.053.873

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên kết vay tiền. Các đơn vị đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối kỳ	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn		Cộng
			nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	
Tiền và các khoản trương đương tiền	8.519.935.385	-	-	-	8.519.935.385
Phải thu khách hàng	88.724.796.399	-	-	656.783.442	89.381.579.826
Các khoản cho vay	548.737.797.808	-	-	-	548.737.797.808
Các khoản phải thu khác	82.731.529.383	-	-	-	82.731.529.383
Cộng	728.714.058.975	-	-	656.783.442	729.370.842.806

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	171.617.962.027	-	-	-	171.617.962.027
Phải thu khách hàng	148.408.183.974	-	-	633.669.323	149.041.853.347
Các khoản cho vay	292.642.092.620	-	-	-	292.642.092.620
Các khoản phải thu khác	90.801.118.056	-	-	-	90.801.118.056
Cộng	703.469.356.677	-	-	633.669.323	704.103.026.000

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	452.585.006.255	-	-	452.585.006.255
Phải trả người bán	118.638.649.282	-	-	118.638.649.282
Các khoản phải trả khác	12.385.434.972	-	-	12.385.434.972
Cộng	583.609.090.509	-	-	583.609.090.509
Số đầu năm				
Vay và nợ	198.626.203.460	-	-	198.626.203.460
Phải trả người bán	122.589.502.571	-	-	122.589.502.571
Các khoản phải trả khác	11.260.373.010	-	-	11.260.373.010
Cộng	332.476.079.041	-	-	332.476.079.041

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và CNY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tiến hành hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và trả nợ thanh khoản.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái của đồng CNY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần đồng CNY có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.519.935.385	-	171.617.962.027	-	8.519.935.385	171.617.962.027
Phải thu khách hàng	89.381.579.841	(500.517.711)	149.041.853.297	(456.775.680)	88.881.062.130	148.585.077.617
Các khoản cho vay	548.737.797.808	-	292.642.092.620	-	548.737.797.808	292.642.092.620
Các khoản phải thu khác	82.731.529.383	-	90.801.118.056	-	82.731.529.383	90.801.118.056
Cộng	729.370.842.417	(500.517.711)	704.103.026.000	(456.775.680)	728.870.324.706	703.646.250.320

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	452.585.006.255	198.626.203.460	452.585.006.255
Phải trả người bán	118.638.649.283	122.589.502.571	118.638.649.283	122.589.502.571
Các khoản phải trả khác	12.385.434.972	11.260.373.010	12.385.434.972	11.260.373.010
Cộng	583.609.090.510	332.476.079.041	583.609.090.510	332.476.079.041

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác, được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

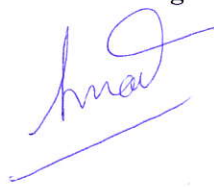
Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



Hoàng Thúy Hà

Kế toán trưởng



Đào Thị Mai

Tổng Giám đốc



Đào Hữu Huyền